


<b>Phiếu an toàn hóa chất MAGIÊ SULFAT</b>			
Số CAS: 10034-99-8 Số UN: không có dữ liệu Số đăng ký EC: không có dữ liệu Số chỉ thị nguy hiểm của HMIS xếp loại : Nguy hiểm sức khỏe: 1 Nguy hiểm cháy: 0 Khả năng phản ứng: 0 Biện pháp bảo vệ cá nhân: E Số đăng ký danh mục Quốc gia khác : không có dữ liệu			
<b>I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT</b>			
- Tên thường gọi của chất: Magiê sulfat		Mã sản phẩm (nếu có)	
- Tên thương mại: magiê sulfat			
- Tên khác (không là tên khoa học):			
- Tên nhà cung cấp, địa chỉ: <b>Công ty TNHH 1 thành viên Hóa Chất Cơ Bản Miền Nam</b> Địa chỉ: 22 Lý Tự Trọng, quận I, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam Tel: (84.8)8223484, 8296620, 8225373		Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: <b>1. Công ty TNHH 1 thành viên Hóa Chất Cơ Bản Miền Nam</b> Địa chỉ: 22 Lý Tự Trọng, quận I, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam Tel: (84.8)8223484, 8296620, 8225373	
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ: - Tên nhà sản xuất và địa chỉ: <b>Nhà máy Hoá chất Biên Hòa :</b> Đường số 5 Khu Công nghiệp Biên hoà 1 Đồng nai Việt nam Tel ( 0) 84 / 061 3836143 Fax ( 0) 84 / 061 3836326 <b>Email: <a href="http://vicaco.hcm.vnn.vn">http:// vicaco@.hcm.vnn.vn</a></b>		<b>2. Nhà máy Hoá chất Biên hoà :</b> Đường số 5 KCN Biên hoà 1 Đồng nai Việt nam Tel ( 0) 84 / 061 3836143 Fax ( 0) 84 / 061 3836326	
- Mục đích sử dụng: ghi nhãn gọn mục đích sử dụng:			
<b>II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT</b>			
Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Magiê sulfat	10034-99-8	MgSO <sub>4</sub> .H <sub>2</sub> O	
<b>III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT</b>			
<b>Tiềm năng ảnh hưởng sức khỏe cấp tính:</b> Nguy hại trong trường hợp nuốt phải. Hơi nguy hiểm trong trường hợp tiếp xúc với da (kích thích), giao tiếp bằng mắt (kích thích), khi hít phải. <b>Tiềm năng ảnh hưởng sức khỏe mãn tính:</b> Tác dụng gây ung thư: Không có. Tác dụng gây đột biến: Không có. Tác dụng gây quái thai: Không có. <b>PHÁT TRIỂN</b> độc tính: Không có. Tiếp xúc lặp đi lặp lại hoặc kéo dài không biết là làm trầm trọng thêm tình trạng y tế.			
<b>IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ</b>			
<b>1. Tiếp xúc mắt:</b> Ngay lập tức rửa mắt bằng dòng nước ít nhất 15 phút, giữ cho mí mắt mở. Nước lạnh có thể được sử dụng <b>2. Tiếp xúc da:</b> Sau khi tiếp xúc với da, rửa ngay với thật nhiều nước. Nhẹ nhàng và rửa kỹ da bị ô nhiễm với nước và xà phòng không mài mòn. Hãy đặc biệt cẩn thận sạch nếp gấp, đường nứt, nếp gấp và bẹn. Nước lạnh có thể được sử dụng. Che da bị kích thích với chất làm mềm. Nếu kích thích vẫn còn tồn tại, tìm kiếm chăm sóc y tế.			

- 3. Tiếp xúc da nghiêm trọng:** Không có
- 4. Hít phải:**  
Cho phép các nạn nhân nghỉ ngơi trong một khu vực thông gió tốt. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế ngay lập tức.
- 5. Đường hô hấp nghiêm trọng:** Không có
- 6. Nuốt phải:**  
Không được ép nôn ra. Nới lỏng quần áo chặt chẽ như một cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc dây thắt lưng. Nếu nạn nhân không thở, thực hiện hồi sức. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế ngay lập tức ..
- 7. Nuốt phải nghiêm trọng:** Không có.

#### V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- 1. Tính dễ cháy của sản phẩm:** Không dễ cháy.
- 2. Nhiệt độ đánh lửa tự động:** Không áp dụng.
- 3. Đèn flash điểm:** Không áp dụng.
- 4. Giới hạn dễ cháy:** Không áp dụng.
- 5. Sản phẩm của quá trình cháy:** Không áp dụng.
- 6. Mọi nguy hiểm cháy vào sự hiện diện của các chất khác nhau:** Không áp dụng.
- 7. Vụ nổ nguy hiểm trong sự hiện diện của các chất khác nhau:**  
Nguy cơ bùng nổ của các sản phẩm trong sự hiện diện của tác động cơ học: Không có. Nguy cơ bùng nổ của sản phẩm trong sự hiện diện của điện tĩnh: Không có.
- 8. Hướng dẫn tuyên truyền cháy:** Không áp dụng.
- 9. Chú thích đặc biệt về nguy cơ cháy:** Không có
- 10. Chú thích đặc biệt về nguy cơ nổ:** Không có

#### VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- 1. Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ:**  
Sử dụng các công cụ thích hợp để đưa các chất rắn bị đổ vào trong một thùng chứa xử lý chất thải thuận tiện. Kết thúc làm sạch bằng cách rửa nước trên bề mặt bị ô nhiễm và xử lý theo yêu cầu chính quyền địa phương và khu vực.
- 2. Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng:**  
Sử dụng một cái xẻng để đưa vật liệu vào một thùng chứa xử lý chất thải thuận tiện. Kết thúc làm sạch nước bằng cách trải trên bề mặt bị ô nhiễm và cho phép để sơ tán thông qua hệ thống vệ sinh

#### VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

- 1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm** Không có cụm từ an toàn cụ thể đã được tìm thấy áp dụng cho sản phẩm này.
- 2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản**  
Không yêu cầu lưu trữ đặc biệt. Sử dụng kệ hoặc tủ đủ chắc chắn để chịu trọng lượng của hóa chất. Hãy chắc chắn rằng nó không sắp xếp quá mức cần thiết làm ảnh hưởng vật liệu, và kệ không bị quá tải.

#### VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

- Kỹ thuật Điều khiển:**  
Sử dụng hàng rào vây quanh, lắp đặt hệ thống thông gió, hoặc các biện pháp kiểm soát kỹ thuật khác để giữ cho mức độ không khí dưới mức nguy hại nên. Nếu hoạt động người sử dụng tạo ra bụi, khói hay sương mù, sử dụng thông gió để giữ tiếp xúc với chất gây ô nhiễm trong không khí dưới mức giới hạn tiếp xúc.
- Bảo vệ cá nhân:** kính an toàn. Áo khoát. Thiết bị lọc bụi. Hãy chắc chắn để sử dụng mặt nạ đã được phê duyệt / xác nhận hoặc tương đương. Găng tay.
- Bảo vệ cá nhân trong trường hợp tràn đổ lớn:**  
Kính bảo hộ. Quần áo toàn thân. Thiết bị lọc bụi. Giày cao cổ. Găng tay. Một tủ chứa dụng cụ thở nên được sử dụng để tránh hít phải của sản phẩm. Nếu trang bị bảo hộ không đầy đủ, tham khảo ý kiến một chuyên gia trước khi làm việc với sản phẩm này.
- Tiếp xúc với giới hạn:** Không có.

#### IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: rắn	Điểm sôi (°C): không có dữ liệu
Màu sắc: không có dữ liệu	Điểm nóng chảy (°C): phân hủy

Mùi đặc trưng: không có dữ liệu	Điểm bùng cháy ( <sup>0</sup> C) (Flash point) theo phương pháp xác định : không có dữ liệu
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không có dữ liệu	Nhiệt độ tự cháy ( <sup>0</sup> C): không có dữ liệu
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn : không có dữ liệu	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): không có dữ liệu
Độ hòa tan trong nước: dễ hòa tan trong nước	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): không có dữ liệu
Độ pH : không có dữ liệu	Tỷ lệ hóa hơi: không có dữ liệu
Khối lượng riêng (kg/m <sup>3</sup> ): 1,67 kg/dm <sup>3</sup>	Các tính chất khác: không có dữ liệu

#### **X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT**

Tính ổn định: sản phẩm ổn định.  
 Nhiệt độ bất ổn định: Không có.  
 Điều kiện của sự bất ổn định: Không có.  
 Không tương thích với các chất khác nhau: Không có.  
 Ăn mòn: không ăn mòn thủy tinh.  
 Các chú thích đặc biệt trên phản ứng: Không có.  
 Các chú thích đặc biệt về ăn mòn: Không có.  
 Trùng hợp: không

#### **XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH**

Tuyến xâm nhập: Nuốt phải.  
 Độc tính đối với động vật: LD50: Không có. LC50: Không có.  
 Ảnh hưởng trên con người: Không có sẵn.  
 Ảnh hưởng độc hại khác về con người:  
 Nguy hại trong trường hợp nuốt phải. Hơi nguy hiểm trong trường hợp tiếp xúc với da (kích thích), hít vào.  
 Các chú thích đặc biệt về độc tính với động vật: Không có.  
 Các chú thích đặc biệt về hiệu ứng mãn tính về con người: thông qua hàng rào nhau thai ở người.  
 Nhận xét về hiệu ứng độc hại khác về con người đặc biệt: Không có.

#### **XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI**

##### **2. Tác động trong môi trường**

Độc tính: Không có.  
 BOD5 và COD: Không có sẵn.  
 Sản phẩm phân hủy sinh học:  
 Khả năng nguy hiểm đối với sản phẩm thoái hóa ngắn hạn là không thích hợp. Tuy nhiên, sản phẩm thoái hóa dài hạn có thể phát sinh.  
 Độc tính của các sản phẩm phân hủy sinh học: Các sản phẩm của sự phân hủy là độc hại hơn.  
 Các chú thích đặc biệt trên các sản phẩm phân hủy sinh học: Không có.

#### **XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ**

Xử lý chất thải phải được xử lý theo quy định của địa phương về kiểm soát môi trường

#### **XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN**

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng						Không có thông tin

phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.						
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...						Không có thông tin
<b>XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ</b>						
<b>1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo):</b> Việt Nam <b>2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký:</b> không có thông tin						
<b>XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC</b>						
Ngày tháng biên soạn Phiếu: tháng 5 năm 2012						
Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:						
Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo:						
Lưu ý người đọc: Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc						